

ĐIỂM SINH VIÊN HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN, HỌC VƯỢT CÙNG KHÓA K51, K52, K53

Học kỳ: I, Năm học: 2020-2021

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
1	K50 HDDL2	Trần Minh	Trung	25/09/1998	8.7	8.0	8.2	Bản đồ du lịch	
2	K50 TMDT	Đào Thị Diệu	Minh	09/02/1998	9.8	8.0	8.7	Chiến lược kinh doanh du lịch điện tử	
3	K51 TTMKT	Nguyễn Đình Huỳnh	Nhung	23/03/1999	7.7	6.0	6.5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
4	K51 TTMKT	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	18/09/1998	7.7	3.5	4.8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
5	K51 TTMKT	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	11/12/1999	7.7	6.0	6.5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
6	K HDDL1	Lê Thị	Hồng	13/01/1999	8.3	4.0	5.3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
7	K51 QTKD	Phạm Ngọc Tú	Thảo	25/02/1999	8.3	7.5	7.7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
8	K51 QTKD	Trần Thị Phương	Thảo	07/11/1999	8.3	6.0	6.7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
9	K51 TTMKT	Nguyễn Văn	Cường	09/06/1999	6.7	4.0	4.8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
10	K51 QLLH3	Trần Hà Kiều	Oanh	25/04/1999	8.0	7.7	7.8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
11	K51 QLLH3	Nguyễn Trần Bảo	Châu	04/07/1999	8.2	7.2	7.5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
12	K51 QTKD	Bùi Quang	Nhật	13/04/1999	5.3	7.0	6.5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
13	K51 QLLH1	Huỳnh Kim	Minh	02/03/1999	8.8	7.5	7.9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
14	K52 DL2	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	10/02/2000	5.3	8.0	7.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
15	K51 TTMKT	Đỗ Lê Thùy	Trang	24/08/1999	7.7	4.5	5.5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
16	K51 QTKD	Trương Thị Thu	Phương	7/14/1999	8.3	6.8	7.3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
17	K51 HDDL1	Vũ Thị Thùy	Linh	9/30/1999	7.8	7.0	7.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
18	K51 KTDL	Nguyễn Thị Như	Ý	11/01/1999	10.0	7.5	8.3	Địa lý du lịch	
19	K49 HDDL	Hà Thị Thanh	Thương	18/08/1997	8.7	7.0	7.5	Hệ thống tuyến điểm du lịch	
20	K51 QLLH 3	Nguyễn Trần Bảo	Châu	04/07/1999	8.0	5.0	5.9	Kinh tế lượng	
21	K50 HDDL2	Lê Như Vũ	Nghi	28/11/1998	6.7	9.0	8.3	Kinh tế lượng	
22	K50 HDDL1	Huỳnh Thị Hồng	Đào	30/11/1998	8.0	8.0	8.0	Kinh tế lượng	
23	K50 QTKD	Bùi Thị Như	Quý	27/11/1997	8.7	4.0	5.4	Kinh tế lượng	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
24	K51 TCSK	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	10/10/1999	8.9	4.0	5.5	Kinh tế lượng	
25	K52 KTDL	Nguyễn Phương	Thi	02/11/2000	8.7	6.6	7.2	Kinh tế vi mô	
26	K52 DL2	Hoàng Thị Hồng	Thanh	05/01/2000	8.7	6.0	6.8	Kinh tế vi mô	
27	K52 DL2	Lê Thị	Thắm	03/10/2000	8.7	5.0	6.1	Kinh tế vi mô	
28	K52 DL2	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	31/10/2000	9.0	6.2	7.0	Kinh tế vi mô	
29	K52 DL2	Đỗ Nhật Anh	Thi	27/08/2020	8.3	7.2	7.5	Kinh tế vi mô	
30	K49 QTKD	Nguyễn Thị	Hạnh	18/08/1997	7.7	4.0	5.1	Kinh tế vi mô	
31	K52 QTDVDL	Trần Đức Khánh	Uy	14/08/2000	8.5	9.2	9.0	Kinh tế vi mô	
32		Vathida	Sabaipho	00/01/1900	8.7	4.2	5.6	Kinh tế vi mô	
33		Khongpadit	Somchit	00/01/1900	8.7	3.0	4.7	Kinh tế vi mô	
34	K50 HDDL2	Lê Như Vũ	Nghi	28/11/1998	9.0	6.3	7.4	Đường lối cách mạng ĐCS VN	
35	K50 QTKD	Bùi Thị Như	Quý	27/11/1997	9.0	6.3	7.4	Đường lối cách mạng ĐCS VN	
36	K51 QLLH3	Lê Thị	Thanh	06/07/1999	9.0	7.9	8.3	Đường lối cách mạng ĐCS VN	
37	K52 LH1	Ngô Văn	Hoàng	05/02/2000	0.0	5.4	3.2	Những nguyên lý cơ bản CNMLN2	
38	K51 KTDL	Nguyễn Thị Như	Ý	11/01/1999	9.0	8.5	8.7	Những nguyên lý cơ bản CNMLN2	
39	K50 HDDL1	Huỳnh Thị Hồng	Đào	30/11/1998	0.0	5.1	3.1	Những nguyên lý cơ bản CNMLN2	
40	K50 HDDL2	Trần Minh	Trung	25/09/1998	7.3	8.0	7.8	Lịch sử Việt Nam	
41	K50 HDDL2	Lê Như Vũ	Nghi	28/11/1998	0.0	4.0	2.8	Nguyên lý kế toán	
42	K51 HDDL2	Lưu Thị Thanh	Trà	08/06/1999	6.0	5.0	5.3	Nguyên lý kế toán	
43	K52 QTKS2	Phạm Thị	Hằng	21/09/2000	6.0	1.5	2.9	Nguyên lý kế toán	
44	K52 TTMKT	Lê Thảo	Nhi	09/05/2000	0.0	6.5	4.6	Nguyên lý kế toán	
45	K52 TTMKT	Đặng Thị Thuý	Nhi	01/11/2000	0.0	4.0	2.8	Nguyên lý kế toán	
46	K50 HDDL2	Đỗ Thị Thu	Nguyệt	27/06/1998	6.0	6.5	6.4	Nguyên lý kế toán	
47	K51 TTMKT	Trần Đình	Thiện	28/01/1999	2.5	5.1	4.1	Nhập môn thương mại điện tử	
48	K TCSK	Phan Thị Giáng	Hương	11/19/1999	2.5	4.9	3.9	Nhập môn thương mại điện tử	
49	K51 QLLH1	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	03/03/1999	8.7	5.3	6.3	Nguyên lý thống kê kinh tế	
50	K51 QLLH1	Nguyễn Thị Thu	Hồng	17/04/1999	9.0	6.0	6.9	Nguyên lý thống kê kinh tế	
51	K52 QTKS2	Lê Thị Diệu	Hiền	10/01/2000	8.7	9.0	8.9	Nguyên lý thống kê kinh tế	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
52	K51 TCSK	Trương Thị Phương	Thảo	14/10/1999	8.5	4.3	5.6	Nguyên lý thống kê kinh tế	
53	K51 TCSK	Phan Ngọc Thảo	Tiên	07/05/1999	8.5	2.3	4.2	Nguyên lý thống kê kinh tế	
54	K51 TCSK	Phan Thị Như	Quỳnh	30/05/1999	8.5	3.3	4.9	Nguyên lý thống kê kinh tế	
55	K51 QLLH1	Nguyễn Thùy	Linh	11/02/1999	9.0	7.5	8.0	Nguyên lý thống kê kinh tế	
56	K51 TCSK	Nguyễn Thanh	Nhung	11/03/1999	7.2	5.0	5.7	Nguyên lý thống kê kinh tế	
57	K51 TCSK	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	10/10/1999	7.0	3.3	4.4	Nguyên lý thống kê kinh tế	
58	K51 TCSK	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	3/26/1999	6.9	3.0	4.2	Nguyên lý thống kê kinh tế	
59	K51 QLLH1	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21/12/1999	9.0	6.5	7.3	Nguyên lý thống kê kinh tế	
60	K51 QTKD	Lê Khắc Kiều	Ngân	08/05/1999	8.5	9.5	9.2	Nguyên lý thống kê kinh tế	
61	K51 TCSK	Trần Thị Minh	Phuong	08/07/1999	7.7	9.5	9.0	Nguyên lý thống kê kinh tế	
62	K51 TCSK	Lê Thị Thu	Vân	03/05/1999	7.7	4.8	5.7	Nguyên lý thống kê kinh tế	
63	K51 QTKD	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	13/08/1999	7.7	9.8	9.2	Nguyên lý thống kê kinh tế	
64	K51 TMDT	Nguyễn Đức	Danh	14/10/1999	8.5	10.0	9.6	Nguyên lý thống kê kinh tế	
65	K51 QLLH1	Võ Thị Thuý	An	10/08/1998	0.0	5.5	3.9	Nguyên lý thống kê kinh tế	
66	K51 HDDL2	Hoàng Mạnh	Hùng	29/12/1999	6.0	3.3	4.1	Nguyên lý thống kê kinh tế	
67	K52 KTDL	Lê Nguyễn Thị Hoài	Hương	20/02/2000	9.5	10.0	9.9	Nguyên lý thống kê kinh tế	
68	K50 QLLH2	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/09/1998	8.3	9.8	9.4	Nguyên lý thống kê kinh tế	
69	K50 HDDL2	Lê Như Vũ	Nghi	28/11/1998	7.0	6.0	6.3	Nguyên lý thống kê kinh tế	
70	K51 TCSK	Trần Thị Minh	Phuong	08/07/1999	0.0	5.3	3.7	Marketing căn bản	
71	K50 TCSK	Đoàn Bảo	Vi	14/08/1998	0.0	6.9	4.8	Marketing căn bản	
72	K53 DL2	Khonapadit	Somchit	14/06/1995	0.0	5.0	3.5	Marketing căn bản	
73	K53 DL2	Sabaiphone	Vanhthid	23/07/1999	0.8	7.0	5.1	Marketing căn bản	
74	K51 KTDL	Đoàn Đình Lệ	Thu	15/09/1999	8.7	2.6	4.4	Ngoại ngữ chuyên ngành	
75	K52 KTDL	Lê Nguyễn Thị Hoài	Hương	20/02/2000	8.9	8.5	8.6	Ngoại ngữ chuyên ngành	
76	K51 HDDL2	Hoàng Mạnh	Hùng	12/29/1999	9.0	5.3	6.4	Ngoại ngữ chuyên ngành	
77	K51 HDDL1	Nguyễn Hữu	Tiến	05/02/1999	8.3	8.2	8.2	Ngoại ngữ chuyên ngành	
78	K51 KTDL	Nguyễn Thị Như	Ý	01/11/1999	8.7	1.8	3.9	Ngoại ngữ chuyên ngành	
79	K51 KTDL	Trần Thị Thu	Vân	05/11/1999	8.7	0.0	2.6	Ngoại ngữ chuyên ngành	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
80	K51 HDDL2	Vũ Quốc	Thịnh	11/12/1999	8.7	7.4	7.8	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	
81	K52 KTDL	Lê Nguyễn Thị Hoài	Hương	20/02/2000	9.0	8.8	8.9	Quản trị học	
82	K51 QLLH3	Nguyễn Trần Bảo	Châu	04/07/1999	9.3	8.5	8.7	Quản trị học	
83	K49 HDDL	Hà Thị Thanh	Thương	18/08/1997	9.0	5.5	6.6	Quản trị học	
84	K52 QTKS2	Lê Thị Diệu	Hiền	10/01/2000	9.0	7.5	8.0	Quản trị học	
85	K52 QTDVDL	Nguyễn Thị Hồng	Vi	10/02/2000	9.0	8.0	8.3	Quản trị học	
86	K52 QTKS2	Tổng Thanh	Boi	28/10/2000	9.0	6.0	6.9	Quản trị học	
87	K51 KTDL	Nguyễn Đại	Son	20/05/1999	9.3	8.0	8.4	Quản trị học	
88	K51 HDDL2	Hà Trọng	Thanh	16/11/1999	8.7	7.0	7.5	Quản trị lữ hành	
89	K50 KTDL	Hồ Đăng Nhật	Huy	04/07/1997	9.2	6.5	7.3	Quản trị nhân lực	
90	K50 KTDL	Nguyễn Cảnh	Nhân	23/09/1998	9.2	8.0	8.4	Quản trị nhân lực	
91	K51 QHCC	Ngô Lê Hàn	Minh	02/11/1999	9.2	7.0	7.7	Quản trị nhân lực	
92	K50 QTKD	Bùi Thị Như	Quý	27/11/1997	9.3	10.0	9.8	Quản trị tài chính	
93	K51 QTKD	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	22/03/1999	9.3	9.5	9.4	Quản trị tài chính	
94	K51 QTKD	Bùi Quang	Nhật	13/04/1999	9.3	10.0	9.8	Quản trị tài chính	
95	K50 HDDL2	Đặng Công	Tây	16/01/1998	8.3	5.5	6.3	Văn hóa di sản Việt Nam và TG	
96	K50 TCSK	Ngô Gia	Huy	21/10/1998	0.0	5.0	3.5	Tổng quan du lịch	
97	K51 QTKD	Bùi Quang	Nhật	13/04/1999	9.3	7.0	7.7	Tổng quan du lịch	
98	K51 KTDL	Lê Việt	Hòa	24/10/1999	9.3	7.0	7.7	Tổng quan du lịch	
99	K51 HDDL2	Hà Trọng	Thanh	16/11/1999	0.0	7.0	4.9	Tổng quan du lịch	
100	K51 HDDL2	Trần Thị	Thơm	02/01/1999	9.3	8.5	8.7	Tổng quan du lịch	
101	K51 HDDL2	Lê Thị Minh	Ngọc	21/01/1999	9.3	5.5	6.6	Tổng quan du lịch	
102	K51 QTKD	Lê Khắc Kiều	Ngân	08/05/1999	9.3	8.5	8.7	Tổng quan du lịch	
103	K51 QTKD	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	13/08/1999	9.3	8.0	8.4	Tổng quan du lịch	
104	K51 QTKD	Trần Mai Huyền	Mi	11/10/1999	9.3	7.0	7.7	Tổng quan du lịch	
105	K50 HDDL2	Đặng Công	Tây	16/01/1998	9.3	7.5	8.0	Tổng quan du lịch	
106	K51 HDDL1	Dương Văn	Tài	09/02/1998	8.2	9.2	8.9	Kinh tế vĩ mô	
107	K51 HDDL1	Trần Thế An	Thạch	15/02/1999	7.3	9.6	8.9	Kinh tế vĩ mô	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
108	K51 QLLH3	Trần Khắc Hùng	22/03/1999	8.8	9.4	9.2	Kinh tế vĩ mô	
109	K51 QHCC	Trần Nguyễn Phương Nhi	13/08/1999	8.7	9.6	9.3	Kinh tế vĩ mô	
110	K51 HDDL1	Nguyễn Hữu Trãi	15/09/1999	8.5	9.4	9.1	Kinh tế vĩ mô	
111	K51 QHCC	Trương Thị Lâm	01/11/1999	8.4	9.4	9.1	Kinh tế vĩ mô	
112	K51 HDDL2	Hà Trọng Thanh	16/11/1999	7.7	9.4	8.9	Kinh tế vĩ mô	
113	K51 QTKD	Trương Thị Thu Phương	7/14/1999	9.2	9.6	9.5	Kinh tế vĩ mô	
114	K51 QTKD	Hà Ngân Thê	8/15/1999	9.5	9.6	9.6	Kinh tế vĩ mô	
115	K51 QTKD	Bùi Quang Nhật	13/04/1999	7.3	9.6	8.9	Kinh tế vĩ mô	
116	K50 QLLH2	Nguyễn Thị Anh Thư	26/09/1998	9.2	8.2	8.5	Kinh tế vĩ mô	
117	K51 KTDL	Nguyễn Thị Như Ý	11/01/1999	6.7	2.5	3.8	Kinh tế vĩ mô	
118	K52 TCSK	Dương Hồng Diệu	26/11/2000	8	4.1	5.3	Kinh tế vĩ mô	
119	K50 HDDL2	Lê Như Vũ Nghi	28/11/1998	9.3	7.5	8	Kinh tế vĩ mô	
120	K51 QLLH2	Trần Thị Thu Ly	24/10/1999	7.7	7	7.2	Kinh tế vĩ mô	
121	K51 HDDL2	Đỗ Thị Thu Hà	16/07/1999	7.3	6.5	6.7	Kinh tế vĩ mô	
122	K51 QLLH2	Phạm Thị Tú Uyên	01/10/1999	8.7	7.3	7.7	Kinh tế vĩ mô	
123	K52 QTKS2	Bùi Thiên Phú	23/08/2000	7.7	4.7	5.6	Kinh tế vĩ mô	
124	K51 TCSK	Lê Thị Thu Vân	05/03/1999	8.3	9.2	8.9	Kinh tế vĩ mô	
125	K51 QLLH2	Nguyễn Đình A Tích	07/08/1999	10	9.2	9.4	Kinh tế vĩ mô	
126	K52 QTKS2	Nguyễn Thị Thảo Nhu	07/01/2000	8.1	4.7	5.7	Kinh tế vĩ mô	
127	K51 HD2	Mai Thị Ngọc Ánh	00/01/1900	8.4	4.4	5.6	Kinh tế vĩ mô	